

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG GIỮA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI TƯ TƯỞNG CÁC TÔN GIÁO

NGUYỄN THỊ THANH DUNG^(*)

Tư tưởng đại đoàn kết là một trong những tư tưởng nổi bật, có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống đoàn kết của dân tộc với những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác-Lênin. Hồ Chí Minh luôn dựa trên những kinh nghiệm có sẵn trong lịch sử để phát triển, vận dụng sáng tạo những yếu tố tiến bộ trong những tư tưởng ấy để đưa ra những quyết sách cho cách mạng Việt Nam. Mặc dù giữa các học thuyết có những điểm khác biệt nhưng Hồ Chí Minh cũng nói khá nhiều về tính tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo lớn, chân chính với những tư tưởng mác xít mà chính Người là một điển hình.

Dưới bình diện chung nhất, sự tương đồng đó biểu hiện sự thống nhất về cơ bản trong mục tiêu giải phóng con người của giai cấp công nhân và của các học thuyết tôn giáo chân chính. Điều đó biểu hiện ở chỗ cả lý tưởng cộng sản và các học thuyết tôn giáo chân chính đều muốn xoá bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, bất công. Mọi người được sống trong hoà bình, hữu nghị của một thế giới đại đồng, không có chế độ người bóc lột người. Cả học thuyết tôn giáo chân chính và học thuyết cách

mạng thực sự trong thời đại ngày nay đều có vai trò to lớn trong việc hoàn thiện con người.

Hồ Chí Minh viết: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng, họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mĩ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”⁽¹⁾.

Hồ Chí Minh đã thấy được điểm tương đồng giữa các học thuyết là đều muốn mọi người có cơm ăn áo mặc, bình đẳng, tự do, thế giới đại đồng. Người đã viết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do.

^{*}. Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

1. Trích theo: Hồ Chí Minh về vấn đề Tôn giáo tín ngưỡng. Nxb. KHXH, Hà Nội 1998, tr.27.

đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽²⁾.

Nếu Đức Phật đã dạy cho dân tại Hòn La (điều mà kinh trường Ahàm còn ghi lại) rằng “dân chúng nên tụ hợp với nhau để bàn chính trị, trong tình đoàn kết, tôn trọng luật pháp, truyền thống, kính trọng người già, không được áp bức phụ nữ, phải bảo vệ tôn miếu, kính trọng các vị sư” thì những người cách mạng Việt Nam cũng đâu có chủ trương ngược lại. Dù là ai, theo học thuyết, trường phái nào, cũng đều có một điểm chung là vì tự do, hạnh phúc của con người.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, qua khảo sát thực tiễn cuộc sống của nhân dân các nước thuộc địa và phát triển, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: Trên thế giới dù nhiều màu da nhưng cũng chỉ có hai giống người, giống người đi áp bức và người bị áp bức, trên thế giới cũng chỉ có hai điều: Thiện và ác.

“Ngủ thì ai cũng như lương thiện

Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ hiền

Hiền dữ đâu phải là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên”.

(*Nhật kí trong tù*).

Tư tưởng này dường như có nét tương đồng với kinh Phật khi quan niệm con người hãy làm điều Thiện, tránh điều ác, tu nhân tích đức để có cuộc sống hạnh phúc về sau. Suốt cuộc đời của mình, Hồ Chí Minh luôn vì nhân dân phục vụ, quên mình vì nhân dân, tự hạn chế mình trong ham muốn vật chất. Điều đó cũng giống như Đức Phật Như Lai suốt đời làm điều thiện, xót cho chúng sinh đau thương trong “biển khổ”.

Sự tương đồng giữa lí tưởng cộng sản với mục tiêu của tôn giáo chân chính được

thể hiện ở chỗ: đất nước không được độc lập, tôn giáo nói chung, các tín đồ tôn giáo nói riêng cũng không có tự do. Đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc là nguyện vọng thiết tha của mọi người dân, kể cả các tín đồ. Bởi lẽ, giành độc lập dân tộc là điều kiện để có độc lập, tự do cho tôn giáo, cho mọi tín đồ. Đề cập đến mối quan hệ tương đồng đó, tháng 1/1946, khi Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược lần nữa, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước được độc lập đã”⁽³⁾. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo không tách rời với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, cho nên, mọi người Việt Nam dù có tín ngưỡng hay không đều phải góp phần mình để giành và giữ nền độc lập nước nhà.

Chúng ta đều biết, một trong những chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đã thực hiện ở An Nam là “chia để trị”. Thực dân Pháp chia nước ta ra làm ba kì với các chế độ cai trị khác nhau. Đồng thời, chúng cũng gây ra sự chia rẽ lương - giáo, tạo nên mối thù hằn giữa các tôn giáo, thậm chí còn phân chia giáo sĩ Phương Tây với các giáo sĩ, linh mục người bản xứ để có các hình thức đối xử khác nhau. Hồ Chí Minh khẳng định rằng, dưới chế độ phong kiến “đạo Thiên Chúa ở nước ta có rất nhiều giám mục người Pháp và người Châu Âu, mà rất ít giám mục người Việt Nam. Cách đối xử với linh mục và bà phước người Châu Âu hơn linh mục và bà phước người Việt Nam. Như thế có phải là không phân biệt nòi giống không?”⁽⁴⁾.

2. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Sự Thật, Hà Nội 1984, tr. 100

3. Báo *Cần quốc*, ngày 14/01/1946.

4. Báo *Nhân dân*, số 38, ngày 27/12/1951.

Dưới chế độ áp bức bóc lột, bị đè nén nặng nề của thực dân Pháp, người lao động Việt Nam nói chung và tín đồ tôn giáo nói riêng phải vùng dậy giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công. Trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945, Hồ Chủ tịch đã khẳng định: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị, tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”⁽⁵⁾. Mục tiêu giải phóng Tổ quốc cũng có nghĩa là giải phóng nơi tôn giáo tồn tại. Khi chúng ta giải phóng Bùi Chu, Phát Diệm, Hồ Chí Minh đã khẳng định, giải phóng Bùi Chu và Phát Diệm cũng tức là giải phóng đất thánh.

Khi thực dân Pháp một lần nữa quay lại xâm lược nước ta, để giữ vững nền độc lập giành được bằng sự hi sinh xương máu của dân tộc, chúng ta phải tiến hành cuộc kháng chiến. Hồ Chí Minh khẳng định, kháng chiến, kiến quốc để giữ vững độc lập dân tộc cũng là phù hợp ý Chúa. “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc Âm. Cho nên tôi chúc đồng bào Công giáo làm tròn chính sách của Chính phủ cũng là làm tròn tinh thần của Chúa Cơ đốc”⁽⁶⁾. Người còn chỉ rõ rằng đồng bào ta lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất, tức là làm đúng lời dạy của chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính chúa Giêsu.

Trên cơ sở nêu cao chữ “đồng”, lấy điểm chung của các học thuyết, tôn giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh như sợi dây liên kết tinh thần đoàn kết giữa đồng bào lương - giáo, tạo nên khối đoàn kết thống

nhất giữa các tầng lớp và nhân dân lao động trong cả nước.

Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Giáng sinh ngày 25/12/1956, Người viết: “Nhân dịp lễ sinh nhật này, tôi mong các hàng giáo sĩ và đồng bào đã đoàn kết nay càng đoàn kết hơn, đoàn kết giữa nhân dân và cán bộ, giữa đồng bào giáo và đồng bào lương để... mau thống nhất nước nhà, cho Bắc Nam sum họp như lời cầu nguyện của Chúa Kirixitô: “Nguyện cho hết thấy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau”⁽⁷⁾. Cùng với tư tưởng, chính hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh là biểu tượng của mối quan hệ chặt chẽ giữa lý tưởng Phật giáo với lý tưởng cộng sản. Bản thân Người đã từng khoác áo cà sa, xin ăn cơm của Phật và cũng chính những Phật tử Việt Nam, từ vị trí là những người gián tiếp giúp đỡ cách mạng đã dần dần chuyển sang trực tiếp làm cách mạng. Các Phật tử đã trút áo nâu sồng không phải để “hoàn tục” mà khoác tấm áo màu xanh của đất nước, quê nhà, trực tiếp đi chiến đấu giết lũ ác ma, cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh như Đức Phật đại từ bi⁽⁸⁾. Tất cả đều có chung một điểm: không cam chịu, chấp nhận thân phận nô lệ, cuộc sống khổ cực của nhân dân. Nhờ đó, trong chiến tranh, những ngôi chùa đã thành trạm giao thông, căn cứ cách mạng. Những tư tưởng của nhà Phật đã không “một chiều”, “tiêu cực” trong luật sát sinh mà tư tưởng từ bi luôn gắn liền thực tiễn, phù hợp với hoàn cảnh đất nước trong từng thời kỳ cách mạng.

5. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 4, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 9.

6. Trích theo: Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Nxb. KHXH, Hà Nội 1998, tr. 266.

7. Trích theo: Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Sdd., tr.334.

8. Xem: Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Sdd., tr. 200.

Danh sách những Phật tử đi theo cách mạng thật là một bản anh hùng ca. Từ các vị hoà thượng, đại đức đến tăng ni, từ miền núi đến đồng bằng, từ miền Bắc vào Nam đã đi theo Hồ Chí Minh. Bằng nhiều hình thức khác nhau, họ đã tham gia cứu nước, cứu dân, giữ đạo, cứu đời và đã dựng xây truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm.

Hiếm thấy ở một đất nước nào khác ngoài Việt Nam nơi có một sự gắn bó chặt chẽ giữa lí tưởng của Đức Phật với lí tưởng của người dân, của những người cộng sản, những con người trong thời đại Hồ Chí Minh, đã lấy hạnh phúc của con người là mục đích, là trung tâm cho mọi hành động.

Thậm chí có nhà nghiên cứu cho rằng, phải chăng có một đạo Phật ở Việt Nam mang tên “đạo Phật cụ Hồ”⁽⁹⁾.

Bằng tài năng, đức độ và nhân cách của mình, Hồ Chí Minh đã được đồng bào Phật giáo Việt Nam tôn vinh như một vị Bồ tát sống. Thượng toạ Thích Thanh Từ và Ni sư Thích nữ Như Ngọc đã viết: “Những tư tưởng, đạo đức, tác phong và việc làm của Bác Hồ thì hoàn toàn phù hợp với giáo lí của đạo Phật, Bác Hồ không những là vị anh hùng giải phóng dân tộc, là nhà văn hoá lớn mà Bác Hồ còn là hiện thân của đạo Phật và là một Bồ tát hoá thân”⁽¹⁰⁾.

Tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “lực hoà”⁽¹¹⁾ nhằm tạo ra sự hoà hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm của chúng sinh nhằm đạt tới mục đích chung. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, cải biến tư

tưởng đó để thành những nguyên tắc, phương pháp xây dựng lí luận cách mạng hết sức khoa học.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, trong khi nhấn mạnh chữ “đồng”, Hồ Chí Minh cũng không xem nhẹ việc loại trừ khác biệt và đối lập. Người kiên quyết chống căn bệnh “tả khuynh” lẫn “hữu khuynh”. Chính nhờ nắm bắt được cái hồn của phép biện chứng về mâu thuẫn để vận dụng cụ thể vào công việc lãnh đạo cách mạng nước nhà, Hồ Chí Minh đã hoá giải một cách khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định, nêu cao sự tương đồng để tập trung cao nhất mọi lực lượng, mọi trí tuệ cho lợi ích toàn cục. Người nói “câu đồng tôn dị”, nghĩa là lấy cái chung để hi sinh lợi ích cá nhân, tập hợp khối đoàn kết toàn dân. Đây là tư tưởng xác định rõ chủ thể, động lực của cách mạng - một trong những nhân tố quan trọng, quyết định thành công của cách mạng Việt Nam. Bác từng nói:

“Dân ta nên nhớ chữ đồng

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”

Có thể coi đây là bài học quý báu trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay. Để vận dụng tư tưởng này, chúng ta cần biết phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp, giai cấp trong nước cũng như kiều bào nước ngoài, tạo ra thế và lực của đất nước trên đà hội nhập quốc tế.

9. Xem: TS. Nguyễn Văn Khoan, “Đạo Phật Việt Nam - Đạo Phật cụ Hồ”.

10. *Hồ Chí Minh với Phật giáo*, Nội san Nghiên cứu Phật học, Sđd., tr.16, 17.

11. “Thân hoà đồng trụ; ngôn hoà đồng nghiệp; giới hoà đồng tu; kiến hoà đồng giáo; lợi hoà đồng quan”.